TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ -ST

Ngày: 09/12/2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thu Ngát

2. Ông Đỗ Ngọc Thắng

- Thư ký phiên toà*:* Bà Lê Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 9/12/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2019 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐST - HNGĐ ngày 22/11/2019 giữa các đương sự:

+ ***Nguyên đơn:*** Chị Triệu Thị L, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Đ Q, xã B H, Y T, Bắc Giang.

+ ***Bị đơn*:** Anh Đỗ Xuân C, sinh năm 1977 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đ Q, xã B H, Y T, Bắc Giang.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam V Q.

Địa chỉ: xã Đ T huyện T Đ, tỉnh V P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Triệu Thị L trình bày: Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, thỏa thuận kết hôn trên cơ sở tự nguyện hợp pháp và đăng ký kết hôn tại UBND xã B H năm 2005, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2008 thì anh C chơi bời không chịu làm ăn, chăm lo kinh tế gia đình. Năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện Y T xủ phạt 26

tháng tù về tội sử dụng trái phép chất ma túy và hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang, do trong cuộc sống tình cảm với anh C không còn nên chị xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Đỗ Thùy L, sinh ngày 16/8/2007 hiện đang ở với chị , nay chị xin được nuôi con không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chung vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bị đơn anh C thể hiện: Anh Kết hôn cùng chị L năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B H, Trong quá trình chung sống thi thoảng vợ chồng xẩy ra mâu thuẫn do làm ăn kinh tế và xẩy ra xô xát. Đến năm 2011 anh C vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án, đến năm 2014 trở về gia đình sinh sống, năm 2018 anh lại vi phạm pháp luật và đang chấp hành án tại Trại Giam Vĩnh Quang. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị L xin ly hôn anh anh không đồng ý.

Vợ chồng có một con chung là Đỗ Thùy L, sinh ngày 16/8/2007, hiện đang ở với chị L, nếu phải ly hôn thì anh có nguyện vọng xin được nuôi con; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Bị đơn: Chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/21016, xử:

Quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị L được ly hôn anh Đỗ Xuân C.

Về con chung: Giao con chung là Đỗ Thùy L, sinh ngày 16/8/2007 cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị L phải chịu 300.000đ án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh C có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Tòa án căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị L kết hôn cùng anh Đỗ Xuân C năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B H. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian sau đó xẩy ra mâu thuẫn. Tòa án đã xác minh tại địa phương xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa Chị L và anh C do làm ăn kinh tế, anh C vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án do đó Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L, anh C đã trầm trọng, thời gian đã kéo dài, mục đích của hôn nhân không còn đạt được do đó cần xử cho chị L được ly hôn anh C.

[2] Về con chung: Chị L, anh C có một con chung là Đỗ Thùy L, sinh ngày 16/8/2007, xét thấy việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt đối với con, để con chung có cuộc sống, điều kiện tốt nhất theo khả năng cho sự phát triển liên tục, toàn diện. Hiện nay cháu L đang ở với chị L, anh C đang đi chấp hành án, mặt khác cháu L có nguyện vọng được ở với chị L do vậy cần giao cháu L cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, sau khi ly hôn anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở như vậy là phù hợp với các Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ ruộng canh tác chung chị L, anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/21016.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/21016. Xử:

Quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị L được ly hôn anh Đỗ Xuân C.

Về con chung: Giao con chung là Đỗ Thùy L, sinh ngày 16/8/2007 cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

Án phí: Chị Triệu Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0004572 ngày 06/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn, có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Y T;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-

Phạm Hữu Luyện